

ĐỀ CƯƠNG GIỮA KÌ II – SINH 11 NĂM HỌC 2023 – 2024

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Cảm ứng là

- A. sự phản ứng của sinh vật đối với những thay đổi của môi trường trong cơ thể.
- B. sự tiếp nhận của sinh vật đối với những thay đổi của môi trường, đảm bảo cho sinh vật thích ứng với môi trường sống.
- C. sự tiếp nhận và phản ứng của sinh vật đối với những thay đổi của môi trường, đảm bảo cho sinh vật thích ứng với môi trường sống.
- D. sự lan truyền xung thần kinh theo một chiều nhất định, đảm bảo cho sinh vật thích ứng với môi trường sống.

Câu 2. Vai trò của cảm ứng đối với sinh vật là

- A. đảm bảo cho sinh vật tồn tại và phát triển
- B. là đặc điểm thích ứng của sinh vật khi môi trường không biến đổi
- C. giúp sinh vật sinh sản nhanh
- D. động vật và thực vật tránh được kẻ thù

Câu 3. Trường hợp nào sau đây là ứng động không sinh trưởng?

- A. Hoa bồ công anh nở khi có ánh sáng.
- B. Vận động ngủ, thức của chồi cây bàng theo mùa.
- C. Hiện tượng thân, tua cuốn của cây mướp quấn trên giàn leo.
- D. Hiện tượng cụp lá ở cây trinh nữ.

Câu 4. Vào mùa đông, khi nhiệt độ xuống thấp, ánh sáng yếu, thời gian chiếu sáng ngắn dẫn đến chồi cây bàng ngủ (không sinh trưởng). Đây là một ví dụ về:

- A. hướng sáng dương.
- B. hướng sáng âm.
- C. ứng động sinh trưởng.
- D. ứng động không sinh trưởng.

Câu 5 Cảm ứng ở thực vật biểu hiện bằng

- A. sự thay đổi hình thái của các cơ quan, bộ phận như ra hoa, kết quả.
- B. sự vận động của các cơ quan, bộ phận thực vật khi nhận kích thích đến từ một hướng xác định.
- C. sự tiếp nhận kích thích của các cơ quan, bộ phận thực vật khi nhận kích thích đến từ một hướng xác định hoặc kích thích không có hướng.
- D. sự vận động của các cơ quan, bộ phận thực vật khi nhận kích thích đến từ một hướng xác định hoặc kích thích không có hướng.

Câu 6. Để hoa đào nở nhanh để kịp ngày Tết, người nông dân thường dùng nước ấm 40 - 50 0C tưới quanh gốc với tần suất 5 - 6 lần mỗi ngày. Tác nhân nào kích thích hiện tượng nở hoa ở cây đào?

- A. Nhiệt độ.
- B. Ánh sáng.
- C. Độ ẩm.
- D. Chất dinh dưỡng.

Câu 7. Phát biểu nào **sai** khi nói về cơ chế hướng động?

- A. Các tác nhân kích thích tác động theo một hướng xác định lên các thụ thể.
- B. Cơ chế hướng động liên quan đến hormone auxin ở thực vật.
- C. Các tế bào rễ có độ nhạy cảm cao hơn đối với auxin so với tế bào ở thân.
- D. Tốc độ dẫn dài của bộ phận đáp ứng đồng đều giữa các tế bào ở hai phía.

Câu 8. Hướng tiếp xúc không có ở loài cây nào dưới đây?

- A. Mồng tơi.
- B. Xương rồng.
- C. Mướp đắng.
- D. Gấc.

Câu 9. Auxin có tác động gì đến thân và rễ cây?

- A. Auxin làm tế bào dẫn dài và không phân chia.
- B. Auxin làm tế bào lâu già.
- C. Auxin kích thích tế bào lớn lên và kích thích tốc độ phân chia nhanh của tế bào.
- D. Auxin làm tế bào phát triển cong về phía tác nhân kích thích.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây là **không** đúng?

- A. Sinh trưởng và phát triển có liên quan mật thiết với nhau, nối tiếp, xen kẽ nhau.
- B. Phát triển là cơ sở cho sinh trưởng, sinh trưởng làm thay đổi và thúc đẩy phát triển.
- C. Cây ra lá là một biểu hiện của sự sinh trưởng.
- D. Con gà tăng từ 1,2 kg đến 3 kg là một biểu hiện của sự sinh trưởng.

Câu 11. Hệ thần kinh dạng lưới thường gặp ở:

- A. Động vật có cơ thể đối xứng tỏa tròn.
- B. Động vật có xương sống.

C. Các ngành giun như Giun dẹp, Giun tròn.

D. Động vật chân khớp, côn trùng.

Câu 12. Ở động vật chưa có hệ thần kinh, cảm ứng là sự đến kích thích có lợi hoặc tránh xa kích thích có hại.

Cụm từ còn thiếu điền vào chỗ trống là:

A. chuyển động của từng cơ quan

B. chuyển động của một phần cơ thể

C. chuyển động cục bộ

D. chuyển động của cả cơ thể

Câu 13. Các động vật có đặc điểm hệ thần kinh khác nhau có sự khác nhau về:

A. tốc độ, độ nhạy cảm và chính xác của cảm ứng.

B. tốc độ, độ chính xác và phức tạp của cảm ứng.

C. số lượng, độ chính xác và phức tạp của cảm ứng.

D. tốc độ, độ nhạy cảm và chính xác của cảm ứng.

Câu 14. Ở động vật có hệ thần kinh, dựa vào đặc điểm cấu trúc hệ thần kinh chia thành các nhóm:

A. hệ thần kinh dạng đốt và hệ thần kinh dạng ống.

B. hệ thần kinh dạng lưới và hệ thần kinh dạng ống.

C. hệ thần kinh dạng lưới, hệ thần kinh dạng chuỗi hạch, hệ thần kinh dạng ống.

D. hệ thần kinh dạng lưới, hệ thần kinh dạng đốt, hệ thần kinh dạng ống.

Câu 15. Ở hệ thần kinh lưới, các tế bào thần kinh phân bố(1)..... và(2)..... với nhau tạo thành mạng lưới thần kinh.

Các cụm từ còn thiếu điền vào chỗ trống là:

A. (1) cục bộ từng cơ quan, (2) tương tác

B. (1) rải rác khắp cơ thể, (2) liên kết

C. (1) cục bộ từng cơ quan, (2) liên kết

D. (1) rải rác khắp cơ thể, (2) tương tác

Câu 16. Hệ thần kinh dạng chuỗi hạch thường gặp ở:

A. Động vật có cơ thể đối xứng tỏa tròn.

B. Động vật có xương sống.

C. Các ngành giun như Giun dẹp, Giun tròn.

D. ruột khoang, chân khớp.

Câu 17. Mỗi hạch thần kinh trong hệ thần kinh chuỗi hạch là một(1)..... điều khiển hoạt động của(2).....

Các cụm từ còn thiếu điền vào chỗ trống là:

A. (1) cơ quan, (2) cả cơ thể.

B. (1) cơ quan, (2) một vùng xác định trên cơ thể.

C. (1) trung tâm, (2) cả cơ thể.

D. (1) trung tâm, (2) một vùng xác định trên cơ thể.

Câu 18. Ở chân khớp, đâu là hạch phát triển hơn so với các hạch khác và chi phối các hoạt động phức tạp của cơ thể?

A. Hạch ở lưng.

B. Hạch ở bụng.

C. Hạch đầu.

D. Hạch ở các chi.

Câu 19. Hệ thần kinh ống gặp ở:

A. Động vật có cơ thể đối xứng tỏa tròn.

B. Động vật có xương sống.

C. Các ngành giun như Giun dẹp, Giun tròn.

D. Động vật chân khớp, côn trùng.

Câu 20. Trong các nhận định sau, có bao nhiêu nhận định đúng về hệ thần kinh dạng ống?

(1) Hệ thần kinh ống cấu tạo từ rất lớn tế bào thần kinh.

(2) Hệ thần kinh ống gặp ở động vật thuộc các lớp Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim và Thú.

(3) Các tế bào thần kinh tập trung thành một ống nằm ở phần lưng cơ thể.

(4) Các tế bào thần kinh được phân chia thành thần kinh trung ương (gồm các hạch thần kinh và các dây thần kinh não, tủy) và thần kinh ngoại biên (gồm não bộ và tủy sống).

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 21. Các tế bào thần kinh của hệ thần kinh dạng ống được phân chia thành:

A. thần kinh trung ương (gồm não bộ và các dây thần kinh não) và thần kinh ngoại biên (gồm các hạch thần kinh và tủy sống).

B. thần kinh trung ương (gồm não bộ và tủy sống) và thần kinh ngoại biên (gồm các hạch thần kinh và các dây thần kinh não, tủy).

C. thần kinh trung ương (gồm các hạch thần kinh và các dây thần kinh não, tủy) và thần kinh ngoại biên (gồm não bộ và tủy sống).

D. thần kinh trung ương (gồm các hạch thần kinh và tủy sống) và thần kinh ngoại biên (gồm não bộ và các dây thần kinh não).

Câu 22. Hệ thần kinh ống hoạt động theo nguyên tắc:

- A. phản xạ.
- B. cảm ứng.
- C. dẫn truyền.
- D. đáp ứng xung thần kinh.

Câu 23. Trong hệ thần kinh ống, các thụ thể cảm giác tiếp nhận kích thích từ môi trường và gửi thông tin theo các(1)..... về tủy sống và não bộ, từ đây xung thần kinh theo(2)..... đến các cơ quan đáp ứng và gây đáp ứng.

Các cụm từ còn thiếu điền vào chỗ trống là:

- A. (1) dây thần kinh cảm giác, (2) dây thần kinh cảm giác
- B. (1) dây thần kinh vận động, (2) dây thần kinh vận động
- C. (1) dây thần kinh cảm giác, (2) dây thần kinh vận động
- D. (1) dây thần kinh vận động, (2) dây thần kinh cảm giác

Câu 24. Tế bào thần kinh còn được gọi là:

- A. synapse.
- B. neuron.
- C. myelin.
- D. ranvier.

Câu 25. Đơn vị cấu tạo chức năng của hệ thần kinh là:

- A. synapse.
- B. hạch thần kinh.
- C. tủy.
- D. neuron.

Câu 26. Hầu hết các neuron đều được cấu tạo từ:

- A. ba thành phần: thân, sợi trục, chùy synapse.
- B. ba thành phần: thân, sợi nhánh, eo Ranvier.
- C. ba thành phần: thân, eo Ranvier, chùy synapse.
- D. ba thành phần: thân, sợi nhánh, sợi trục.

Câu 27. Sợi trục của neuron có chức năng:

- A. truyền kích thích ra khắp cơ thể.
- B. truyền kích thích đến tế bào khác.
- C. truyền xung thần kinh đến tế bào khác.
- D. truyền xung thần kinh ra khắp cơ thể.

Câu 28. Các đoạn nhỏ trên sợi trục không được bao myelin bao bọc gọi là các:

- A. synapse.
- B. chùy synapse.
- C. sợi nhánh.
- D. eo Ranvier.

Câu 29. Chức năng của neuron là:

- A. tiếp nhận kích thích, tạo ra xung thần kinh và truyền xung thần kinh ra toàn cơ thể.
- B. tiếp nhận kích thích, tạo ra xung thần kinh và truyền xung thần kinh đến neuron khác hoặc tế bào khác.
- C. tiếp nhận xung thần kinh, tạo các kích thích và dẫn truyền đến neuron khác hoặc tế bào khác.
- D. tiếp nhận xung thần kinh, tạo các kích thích và dẫn truyền ra toàn cơ thể.

Câu 30. Tập tính được thể hiện khi con vật nhận:

- A. Kích thích từ bên trong hoặc từ bên ngoài cơ thể
- B. Kích thích tại não bộ của cơ thể
- C. Kích thích từ các tác nhân ngoại cảnh
- D. Kích thích từ thiên nhiên sinh sống

Câu 31: Cho các mệnh đề sau:

1. Sinh trưởng và phát triển có liên quan mật thiết với nhau, nối tiếp, xen kẽ nhau.
2. Phát triển là cơ sở cho sinh trưởng, sinh trưởng làm thay đổi và thúc đẩy phát triển.
3. Cây ra lá là sự phát triển của thực vật.
4. Con gà tăng từ 1,2 kg đến 3 kg là sự sinh trưởng của động vật.

Số mệnh đề đúng là

- A. 1.
- B. 4.
- C. 3.
- D. 2.

Câu 32: Trong các phát biểu sau:

- (1) phản xạ chỉ có ở những sinh vật có hệ thần kinh
- (2) phản xạ được thực hiện nhờ cung phản xạ
- (3) phản xạ được coi là một dạng điển hình của cảm ứng
- (4) phản xạ là khái niệm rộng hơn cảm ứng

Các phát biểu đúng về phản xạ là:

- A. (1), (2) và (4)
- B. (1), (2), (3) và (4)
- C. (2), (3) và (4)
- D. 1), (2) và (3)

Câu 33. Tập tính là:

- A. Những động tác của động vật trả lời lại các kích thích
- B. Những hành động của động vật trả lời lại các kích thích
- C. Những suy nghĩ của động vật trả lời lại các kích thích
- D. Những biểu hiện của động vật trả lời lại các kích thích

Câu 34. Tập tính bẩm sinh là những tập tính

- A. sinh ra đã có, được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho cá thể
- B. được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho cá thể hoặc đặc trưng cho loài
- C. học được trong đời sống, không có tính di truyền, mang tính cá thể
- D. sinh ra đã có, được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài

Câu 35. Tập tính học được là

- A. loại tập tính được hình thành trong quá trình sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm.
- B. loại tập tính được hình thành trong quá trình phát triển của loài, thông qua học tập và rút kinh nghiệm.
- C. loại tập tính được hình thành trong quá trình sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm, được di truyền.
- D. loại tập tính được hình thành trong quá trình sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm, mang tính đặc trưng cho loài.

Câu 36. Chó sói, sư tử sống theo bầy đàn là tập tính

- A. bảo vệ lãnh thổ.
- B. sinh sản.
- C. di cư
- D. xã hội

Câu 37. Vào mùa sinh sản, hươu đực húc nhau, con thắng trận sẽ giao phối với con cái là tập tính

- A. sinh sản.
- B. bảo vệ lãnh thổ.
- C. di cư.
- D. xã hội

Câu 38. Quen nhờn là hình thức học tập, trong đó:

- A. động vật không trả lời khi kích thích không liên tục mà không gây nguy hiểm.
- B. động vật không trả lời khi kích thích ngắn gọn mà không gây nguy hiểm.
- C. động vật không trả lời khi kích thích lặp đi lặp lại nhiều lần mà không gây nguy hiểm.
- D. động vật không trả lời khi kích thích giảm dần cường độ mà không gây nguy hiểm.

Câu 39. In vết là hiện tượng học tập ở động vật, trong đó:

- A. Động vật bám theo các vật chuyển động mà chúng nhìn thấy lần đầu tiên
- B. Động vật thực hiện di trú hằng năm về một nơi mà những năm trước đó chúng đã đến
- C. Động vật đánh dấu lãnh thổ của mình bằng các chất bài tiết của cơ thể
- D. Động vật ghi nhớ Phương pháp săn mồi

Câu 40. Hình thức học tập đơn giản nhất của động vật là

- A. in vết.
- B. quen nhờn.
- C. học xã hội
- D. học liên kết

Câu 41. Hình thức học tập phức tạp nhất của động vật là

- A. nhận thức và giải quyết vấn đề
- B. quen nhờn.
- C. học xã hội
- D. nhận biết không gian và bản đồ nhận thức

Câu 42. Tập tính học được ở động vật có chung các đặc điểm nào sau đây?

- A. Suốt đời không đổi.
- B. Sinh ra đã có.
- C. Được truyền từ đời trước sang đời sau.
- D. Phải học trong đời sống

Câu 43. Pheromone là:

- A. Chất hóa học được sản sinh từ lá của cây, gây ra các đáp ứng giống nhau trên các cá thể cùng loài
- B. Mạng thông tin chung của các loài do có cấu tạo giống nhau trong sinh giới
- C. Được xem là tín hiệu giao tiếp giữa cá thể khác loài
- D. Chất hóa học do động vật sản sinh và giải phóng vào môi trường sống, gây đáp ứng khác nhau giữa các cá thể cùng loài

Câu 44. Số phát biểu đúng về yếu tố ảnh hưởng đến tuổi thọ của con người?

- 1. Chế độ ăn uống.
- 2. Tập luyện thể dục, thể thao.
- 3. Trạng thái tâm lí.
- 4. Chế độ làm việc và nghỉ ngơi.
- 5. Bệnh tật.

- A. 1
- B. 5
- C. 3
- D. 0

Câu 45. Sự làm tăng số lượng tế bào, sự tổng hợp và tích lũy các chất làm tế bào tăng kích thước và khối lượng tế bào.

Điền từ còn thiếu vào chỗ trống:

A. phát triển

B. phân bào

C. phân hóa

D. sinh trưởng

Câu 46. Phát sinh hình thái cơ quan là đặc trưng cơ bản của quá trình

A. sinh trưởng.

B. phát triển.

C. sinh sản.

D. biệt hóa.

Câu 47. Giai đoạn sinh trưởng ở một động vật sinh sản hữu tính thì

A. hợp tử phân chia nhiều lần tạo ra phôi tế bào.

B. tế bào phôi phân hóa tạo thành cơ quan, hệ cơ quan.

C. động vật non lớn lên thành động vật trưởng thành.

D. cơ quan sinh dục ở động vật trưởng thành tạo ra giao tử

Câu 48.tế bào là quá trình các tế bào thay đổi cấu trúc và chuyên hoá chức năng.

Điền từ còn thiếu vào chỗ trống:

A. Phát triển

B. Biệt hóa

C. Phân hóa

D. Sinh trưởng

Câu 49. Thông qua quá trình phát sinh hình thái mà cơ quan, cơ thể có được

A. cấu trúc và chức năng

B. hình dạng và chức năng sinh lí

C. kích thước và khối lượng

D. hình dạng và kích thước

Câu 50. Ở thực vật có hoa, tế bào thành tế bào tạo hoa và quả nhờ quá trình

A. phát triển

B. biệt hóa

C. phân hóa

D. sinh trưởng

Câu 51. Quá trình phát triển của một cá thể sinh vật sinh sản hữu tính bắt đầu bằng

A. hợp tử

B. phôi

C. trứng

D. chồi

Câu 52. Hợp tử phân bào tạo thành nhiều tế bào, các tế bào hình thành các cơ quan và hình dáng của sinh vật non nhờ quá trình

A. phát triển

B. biệt hóa

C. phân hóa

D. sinh trưởng

Câu 53. Cây ngày dài là các cây

A. hành, cà rốt, rau diếp, sen cạn, củ cải đường.

B. thanh long, cà tím, cà phê ngô, hướng dương

C. thực dược, đậu tương, vừng, gai dầu, mía.

D. cà chua, lạc, đậu, ngô, hướng dương.

Câu 54. Auxin được sử dụng nhiều trong sản xuất nông nghiệp . Tuy nhiên, nếu sử dụng auxin để phun lên rau, củ thì sẽ gây độc cho cơ thể. Nguyên nhân là vì:

A. Auxin nhân tạo làm gia tăng vi sinh vật gây bệnh

B. Auxin nhân tạo không có enzym phân giải

C. Auxin nhân tạo làm ảnh hưởng đến hoạt động hô hấp của cơ thể

D. Auxin nhân tạo làm rối loạn chuyển hóa trong tế bào

Câu 55. Cây trung tính là các cây

A. hành, cà rốt, rau diếp, sen cạn, củ cải đường.

B. thanh long, cà tím, cà phê ngô, hướng dương

C. thực dược, đậu tương, vừng, gai dầu, mía.

D. cà chua, lạc, đậu, ngô, hướng dương.

Câu 56. Sự phát triển của cây có hạt bắt đầu với

A. cây ra rễ.

B. hạt nảy mầm.

C. hình thành hạt.

D. cây ra lá mầm.

Câu 57. Xác định tính đúng sai của các phát biểu dưới đây bằng cách điền chữ Đ (đúng), chữ S (sai) vào cột tương ứng trong bảng.

Phát biểu	Đúng/Sai
1. Mô phân sinh là nhóm các tế bào chưa phân hoá, có khả năng phân chia tạo tế bào mới.	

2. Hoạt động của mô phân sinh đỉnh có ở ngọn cây, đỉnh rễ,... làm tăng chiều cao của cây, chiều dài của rễ.	
3. Mô phân sinh lông chỉ có ở cây hai lá mầm, hoạt động của nó làm gia tăng đường kính của thân.	
4. Mô phân sinh bên có ở thân và rễ của cây hai lá mầm, hoạt động của nó làm tăng đường kính của thân và rễ.	

II. TỰ LUẬN

- Kể tên các dạng tập tính phổ biến ở động vật? Tìm thêm ví dụ cho mỗi dạng tập tính?
- Cho biết sự khác nhau giữa tập tính bẩm sinh và tập tính học được. Tìm thêm ví dụ về hai loại tập tính này?
- Những hành vi dưới đây thuộc kiểu học nào? Giải thích.
 + Chó săn bắt được thỏ, chuột,... sẽ mang về cho những người nuôi dạy nó. Khi bắt được một con vật chó sẽ nhận được một phần thưởng từ người nuôi dạy.
 + Một con mèo đang đói, khi nghe tiếng bày bát đĩa lách cách liền chạy ngay xuống phòng ăn.
 + Tinh tinh dùng lá cây múc nước từ suối lên và đưa lên miệng uống.
- Một số loài sếu có nguy cơ tuyệt chủng, khi nhân giống và ấp trứng bằng lò ấp người ta phải cách li các con sếu non khi mới nở và cho chúng tiếp xúc với hình ảnh và âm thanh của đồng loại và không cho chúng nhìn thấy các đối tượng chuyển động khác, kể cả người. Tại sao người ta phải làm như vậy?
- Dựa vào Hình 20.3, chỉ ra mối quan hệ giữa nhiệt độ với tỉ lệ nảy mầm và thời gian nảy mầm của hạt.
- Thực vật có tuổi không? Khi nào thực vật ngừng sinh trưởng?
- Phân biệt kiểu sinh trưởng của cây một lá mầm và cây hai lá mầm?
- Hormone thực vật là gì? Chúng có vai trò như thế nào đối với thực vật?
- Trong sản xuất, người ta thường kéo dài giai đoạn sinh trưởng phát triển sinh dưỡng của những đối tượng cây trồng nào? Nêu một số biện pháp để thực hiện?
- Tìm thêm ví dụ ứng dụng hiểu biết về sinh trưởng, phát triển của thực vật trong thực tiễn.
- Nhà Lan trồng ba loại rau gồm: mùng tơi, rau đay và rau bí. Hãy giới thiệu giúp Lan một biện pháp để tăng số lượng nhánh, từ đó tăng năng suất của các loại rau này. Giải thích cơ sở của biện pháp đó.
- Quan sát lát cắt ngang của thân cây gỗ ở Hình 20.7 và cho biết cách xác định tuổi của cây. Có thể sử dụng vòng gỗ để tìm hiểu đặc điểm khí hậu (lượng mưa, nhiệt độ) ở địa phương nơi thực vật đó sinh sống được không? Giải thích.
- Hãy giải thích vì sao chỉ cần chiếu sáng vào ban đêm mà có thể ngăn chặn sự ra hoa ở cây ngày ngày ngắn?
- Trong các cơ quan: rễ, thân, lá, cơ quan nào sinh trưởng không giới hạn? Điều này có ý nghĩa như thế nào với đời sống của thực vật?